**TRƯỜNG THCS NGUYỄN VĂN CỪ**

**NGỮ VĂN LỚP 9 - HỌC KÌ II**

**TUẦN 26 (20/4 – 25/4/20)**

**VĂN BẢN**

**MÂY VÀ SÓNG (R.Ta – go)**

Để bài học thêm hiệu quả, các em có thể tải đường link theo địa chỉ sau:

Web:<https://www.youtube.com/watch?v=KwMsbewts9Y>

**Sau đây là kiến thức bài học cần nhớ:**

**I. Giới thiệu chung**

**1. Tác giả (tham khảo thêm tài liệu)**

- Ta – go (1861- 1941).

- Là thơ hiện đại lớn nhất của Ấn Độ.

- Ông đã để lại một gia tài văn hoá nghệ thuật đồ sộ cả về thơ văn, họa, nhạc.

- Với tập “Thơ Dâng” ông đã trở thành nhà văn đầu tiên của Châu Á được giải thưởng Nô – ben về Văn học 1913.

- Thơ Ta – go thể hiện tinh thần dân tộc, dân chủ sâu sắc, tinh thần nhân văn cao cả và chất trữ tình triết lí nồng đượm.

**2. Tác phẩm**

- Xuất xứ: 1913.

- Thể thơ: Thơ tự do hiện đại, viết dưới dạng văn xuôi.

- Phương thức biểu đạt: Thơ tự sự - biểu cảm, miêu tả.

- Bố cục: Lời của em bé có thể chia làm 2 phần: từ đầu → … xanh thẳm và còn lại.

**II. Tìm hiểu văn bản**

**1. Điểm giống nhau và khác nhau về lời nói của em bé với Mây và Sóng**

+ Kết cấu, số dòng thơ, có sự lặp lại về từ ngữ. Mỗi phần lời của em bé gồm: lời mời gọi, lời từ chối của em bé, trò chơi của em bé.

+ Thuật lại lời rủ rê.

+ Thuật lại lời từ chối và lý do từ chối.

+ Nêu trò chơi do em bé sáng tạo.

*- Khác:*

+ Ý và lời không trùng nhau.

+ Hình ảnh và tấm lòng người mẹ xuất hiện trực tiếp qua lời của con nhưng rõ nét, da diết hơn trong phần hai.

+ Lời tâm tình của em bé được đặt vào hai tình huống thử thách khác nhau → diễn tả tình cảm dạt dào, dâng trào của em bé.

**2. Lời mời gọi của những người sống trên mây, trong sóng**

- Những người sống trên mây: Chơi từ khi thức dậy- chiều tà, bình minh vàng, vầng trăng bạc.

- Những người sống trong sóng: Ca hát từ sáng sớm- hoàng hôn, ngao du nơi này, nơi nọ.

→ Vẽ ra một thế giới hấp dẫn giữa vũ trụ rực rỡ sắc màu, với những tiếng ca du dương bất tận, được đi khắp nơi này nơi khắp đó đây.

- Cách đến với họ:

+ Đến nơi tận cùng trái đất, đưa tay lên trời…

+ Đến bờ biển cả, nhắm nghiền mắt lại…

→ Lời mời gọi của những người sống trên mây, trong sóng chính là tiếng gọi của thế giới diệu kì, lung linh huyền ảo đầy hấp dẫn.

**3. Lời chối từ của em bé**

- Mẹ mình đang đợi ở nhà, làm sao có thể rời mẹ được.

- Mẹ luôn muốn mình ở nhà, làm sao có thể rời mẹ được.

→ Sức níu giữ của tình mẫu tử. Tình yêu thương mẹ đã chiến thắng lời mời gọi đầy hấp dẫn của những người sống trên mây và sóng. Tinh thần nhân văn sâu sắc của bài thể hiện chính ở sự khắc phục ham muốn ấy.

**4. Trò chơi của em bé**

- Em hóa thân chính mình là mây, rồi thành sóng, còn mẹ là trăng và bến bờ kì lạ.

- Hay, thú vị: không chỉ có mây mà còn có trăng – hiện thân của mẹ, không phải chỉ để đùa vui như những người sống trên mây, trong sóng, mà để sống dưới một mái nhà cho em được ôm ấp, được đón nhận ánh sáng dịu dàng.

- Không chỉ có sóng mà còn có bến bờ kì lạ - hiện thân của mẹ, bờ biển bao dung, rộng mở luôn sẵn sàng đón tiếp em.

- Câu thơ tạo ra một hình ảnh tượng trưng mang màu sắc triết lí đậm đà nhất. So sánh tình mẹ con gắn với quan hệ mây - trăng, biển - bờ, tác giả nâng tình cảm ấy lên tầm vóc vũ trụ.

- Đến câu cuối: Không ai biết…chốn nào

- Nói như vậy có nghĩa là mẹ con ta ở khắp mọi nơi, không ai có thể tách rời, chia cắt được mẹ con ta, cũng có nghĩa tình mẫu tử ở khắp nơi thiêng liêng, bất diệt.

**III. Tổng kết**

**1. Nghệ thuật**

- Bố cục bài thơ thành hai phần giống nhau nhưng không trùng lặp về ý và lời.

- Sáng tạo nên những hình ảnh thơ bay bổng, lung linh, kì ảo song vẫn rất sinh động, chân thực và gợi nhiều liên tưởng.

**2. Nội dung (ghi nhớ, học thuộc, SGK / 89)**

**IV. Luyện tập**

Từ bài thơ “Mây và sóng” của R. Ta – go, em hãy viết một đoạn văn ngắn khoảng 200 chữ bêu suy nghĩ của em về tình mẫu tử (lưu ý: cần xác định kiểu đề nghị luận)./.

**TIẾNG VIỆT**

**ÔN TẬP**

Để bài học thêm hiệu quả, các em có thể tải đường link theo địa chỉ sau:

Web: <https://www.youtube.com/watch?v=ywida3VTQJg>

**Sau đây là kiến thức bài học cần nhớ:**

**I. Khởi ngữ và các thành phần biệt lập**

 ***Bài tập 1/109:*** Hãy cho biết mỗi từ ngữ in đậm trong các đoạn trích sau đây là thành phần biệt lập gì của câu. Ghi kết quả phân tích vào bảng tổng kết (điền đáp án theo mẫu)

***BẢNG TỔNG KẾT VỀ KHỞI NGỮ VÀ CÁC THÀNH PHẦN BIỆT LẬP (SGK)***

 ***Bài tập 2/110 (đoạn văn gợi ý)***

 “Bến quê” là một câu chuyện về cuộc đời – ***cuộc đời rất bình dị quanh ta*** – với những nghịch lí không dễ gì hóa giải***. Hình như*** trong bộn bề tất bật của cuộc sống hôm nay, chúng ta có thể sẽ gặp đâu đó một số phận gần giống với số phận của Nhĩ trong tác phẩm. Người ta thường chạy theo danh lợi nhưng gần cuối đời, vì một lí do nào đó phải nằm tại chỗ, con người mới nhận ra rằng: gia đình là tổ ấm có thể nương tựa và đưa tiễn ta về với cõi vĩnh hằng! ***Cái chân lí giản dị ấy, tiếc thay***, Nhĩ chỉ kịp nhận ra vào những ngày tháng cuối đời mình. Nhĩ đã từng đi khắp mọi nơi, nhưng chẳng may bị mắc bệnh hiểm nghèo, liệt toàn thân, mọi sinh hoạt đều phụ thuộc vào người thân. Nhưng chính cái khoảnh khắc ấy, trực giác mách bảo cho anh biết rằng cái chết đã cận kề thì trong anh lại bừng lên những khát vọng đẹp đẽ và thánh thiện…

 **\* Xác định các thành phần biệt lập có trong đoạn văn trên:**

**+ Thành phần phụ chú:**

**+ Thành phần tình thái:**

**+ Khởi ngữ:**

**+ Thành phần cảm thán:**

**II.** **Liên kết câu và liên kết đoạn văn**

**Bài tập 1/110:** Hãy cho biết mỗi từ ngữ in đậm trong các đoạn trích dưới đây thể hiện biện pháp liệt kê nào?

a. ***Nhưng, nhưng rồi, và*** thuộc phép nối.

b. ***cô bé – Cô bé*** thuộc phépliên kết gì?; ***Cô bé – Nó*** thuộc phépliên kết gì?

c. “bây giờ cao sang rồi thì để ý đâu đến bọn chúng tôi nữa!” – thế thuộc phép liên kết gì?

**Bài tập 2/110:** Ghi kết quả phân tích ở bài tập 1 vào bảng tổng kết theo mẫu sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Từ ngữ tương đương | Cô bé | **Phép liên kết** |
| **Đồng nghĩa, trái nghĩa và liên tưởng** | **Thế** | **Nối** |
| - “Có tiếng lanh canh gõ trên nóc hang” liên tưởng đến “có cái gì vô cùng sắc xé không khí từng mảnh vụn”.- “Người Pháp không biết đến nã Phá Luân” đồng nghĩa “một người Mĩ không biết đến Hoa Thịnh Đốn” | thế, nó | nhưng, nhưng, rồi, và |

**Bài tập3/111:** Nêu rõ sự liên kết về nội dung, về hình thức giữa các câu trong đoạn văn em viết về truyện ngắn “Bến quê” của Nguyễn Minh Châu. (HS tự làm).

**III. Nghĩa tường minh và hàm ý**

**Bài tập 1/111:** Đọc truyện cười sau và cho biết người ăn mày muốn nói điều gì với người nhà giàu qua câu nói được in đậm ở cuối truyện.

***CHIẾM HẾT CHỖ***

Hàm ý của câu ***“Ở dưới ấy các nhà giàu chiếm hết cả chỗ rồi!”*** là: “địa ngục mới chính là nơi dành cho các ông (nhà giàu)”.

**Bài tập 2/111:** Tìm hàm ý của các câu in đâïm dưới đây. Cho biết trong mỗi trường hợp, hàm ý đã được tạo ra bằng cách cố ý vi phạm phương châm hội thoại nào?

Các em học thuộc lòng các khái niệm Tiếng Việt trong học kì II.

Các em làm lại và làm tất cả các bài tập tiếp theo trong SGK./.

*- Cô chúc các em học tập hiệu quả -*

**VĂN BẢN**

**ÔN TẬP VỀ THƠ**

Để bài học thêm hiệu quả, các em có thể tải đường link theo địa chỉ sau:

Web:<https://www.youtube.com/channel/UC7_mgS3z22z0WhR7COJ8E2w>

**Sau đây là kiến thức bài học cần nhớ:**

**I. Lập bảng thống kê**

| **SSố TT** | **Tên bài thơ** | **Tác giả** | **Năm st** | **Thể thơ** | **Tóm tắt nội dung** | **Đặc sắc nghệ thuật** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 11 | Đồng chí | Chính Hữu | 1948 | Tự do | Ca ngợi tình đồng chí của những người lính CM trong những năm đầu kháng chiến chống Pháp. Nó góp phần tạo nên sức mạnh và vẻ đẹp tinh thần của bộ đội cụ Hồ. | Chi tiết, hình ảnh, ngôn ngữ giản dị, chân thực, giàu sức biểu cảm. |
| 22 | Bài thơ về tiểu đội xe không kính | Phạm Tiến Duật | 1969 | Tự do | Tư thế hiên ngang, tinh thần chiến đấu bình tĩnh, dũng cảm, lạc quan của những người lính lái xe trên tuyến đường Trường Sơn trong thời kì kháng chiến chống Mỹ. | Hình ảnh độc đáo, giọng điệu tự nhiên, khỏe khoắn pha chút ngang tàng giàu tính khẩu ngữ. |
| 33 | Đoàn thuyền đánh cá | Huy Cận | 1958 | Bảy chữ | Cảm xúc vui tươi về thiên nhiên và lao động tập thể qua cảnh một chuyến ra khơi đánh cá của ngư dân Quảng Ninh | Hình ảnh đẹp, nên thơ, giàu tưởng tượng, âm hưởng rộn ràng, phấn khởi, lạc quan. |
| 44 | Bếp lửa | Bằng Việt | 1963 | Bảy chữ và tám chữ | Những kỉ niệm đầy xúc động về bà và tình bà cháu, thể hiện lòng kính yêu và biết ơn của cháu đối với bà và cũng đối với gia đình, quê hương, đất nước. | Kết hợp giữa biểu cảm với bình luận; sáng tạo hình ảnh bếp lửa gắn liền với hình ảnh người bà. |
| 55 | Ánh trăng | Nguyễn Duy | 1978 | Năm chữ | Từ hình ảnh ánh trăng trong thành phố, nhớ lại những năm tháng đã qua của cuộc đợi người lính gắn bó với thiên nhiên, đất nước thân yêu và bình dị, nhắc nhở thái độ sống chung thủy, tình nghĩa. | Hình ảnh bình dị mà giàu ý nghĩa biểu tượng; giọng điệu chân thành, nhỏ nhẹ mà thấm sâu. |
| 66 | Mùa xuân nho nhỏ | Thanh Hải | 1980 | Năm chữ | Cảm xúc trước mùa thu của thiên nhiên và đất nước, ước nguyện chân thành góp mùa xuân nhỏ của đời mình vào cuộc đời chung. | Nhạc điệu trong sáng, thiết tha, gắn với dân ca; hình ảnh đẹp, những so sánh, ẩn dụ sáng tạo. |
| 77 | Viếng Lăng Bác | Viễn Phương | 1976 | Chủ yếutám chữ | Lòng thành kính và niềm xúc động sâu sắc của nhà thơ đối với Bác trong lần từ miền Nam ra viếng lăng Bác. | Giọng điệu trang trọng và thiết tha nhiều hình ảnh ẩn dụ đẹp và gợi cảm; ngôn ngữ bình dị. |
| 88 | Sang Thu | Hữu Thỉnh | Sau 1975 | Năm chữ | Biến chuyển của thiên nhiên lúc giao mùa từ Hạ sang Thu qua cảm nhận tinh tế của bài thơ. | Hình ảnh thiên nhiên được cảm nhận bằng nhiều cảm giác tinh tế, ngôn ngữ chính xác, gợi cảm. |
| 99 | Nói với con | YPhương | Sau 1975 | Tự do | Lời trò chuyện với con thể hiện sự gắn bó, niềm tự hào về quê hương và đạo lí sống của dân tộc. | Cách nói giàu hình ảnh, vừa cụ thể, gợi cảm, vừa gợi ý nghĩa sâu xa. |

***II. Sắp xếp các bài thơ theo giai đoạn lịch sử.***

1. 1945 – 1954: Đồng chí

2. 1954 – 1964: Đoàn thuyền đánh cá, Bếp lửa, Con cò.

3. 1964 – 1975: Bài thơ về tiểu đội xe không kính, Khúc hát ru những …

4. Sau 1975: Ánh trăng, Mùa xuân nho nhỏ, Viếng lăng Bác, Sang thu, Nói với con.

***\* Các tác phẩm thơ thể hiện cuộc sống đất nước và tư tưởng, tình cảm của con người***

- Đất nước và con người Việt Nam trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ với nhiều gian khổ, hi sinh nhưng rất anh dũng.

- Công cuộc lao động, xây dựng đất nước và những quan hệ tốt đẹp của con người.

- Tình cảm, tư tưởng, tâm hồn của con người trong một thời kì lịch sử có nhiều biến động lớn lao, nhiều thay đổi sâu sắc:

+ Tình cảm yêu nước, tình quê hương.

+ Tình đồng chí, sự gắn bó với cách mạng, lòng kính yêu Bác Hồ.

+ Tình cảm cha con, mẹ con, bà cháu gần gũi thiêng liêng bền chặt, gắn liền với những tình cảm chung rộng lớn.

***III. So sánh những bài thơ có đề tài gần nhau:***

***1. Tình mẹ con (câu 3/90)***

a. “Khúc hát ru những em bé trên lưng mẹ”: thể hiện sự thống nhất giữa tình yêu con với lòng yêu nước gắn bó với CM và ý chí chiến đấu của người mẹ dân tộc Tà Ôi trong hoàn cảnh hết sức gian khổ ở chiến khu miền tây Thừa Thiên Huế thời kì chống Mỹ.

***b. “Con cò”:*** Khai thác và phát triển tứ thơ từ hình tượng con cò trong ca dao để ngợi ca tình mẹ và ý nghĩa của lời ru (Khuyến khích các em tham khảo thêm).

***c. “Mây và sóng”:*** Hoá thân vào lời trò chuyện hồn nhiên ngây thơ của em bé đối với mẹ để thể hiện tình yêu mẹ thắm thiết của trẻ thơ. Mẹ đối với em bé là vẻ đẹp, niềm vui, sự hấp dẫn nhất trong vũ trụ.

***2. Người lính và tình đồng chí (câu 4)***

***a. “Đồng chí”:*** Viết về những người lính thời kỳ đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp. Những người lính trong bái thơ xuất thân là nông dân nơi những làng quê nghèo, tình nguyện và hăng hái ra đi chiến đấu. Tình đồng chí, đồng đội của họ dựa trên cơ sở cùng cảnh ngộ, cùng chia sẻ gian lao và cùng lý tưởng chiến đấu. Tất cả thể hiện vẻ đẹp và sức mạnh của tình đồng chí ở những người lính cách mạng.

***b. “Bài thơ về tiểu đội xe không kính”:*** Những người chiến sĩ lái xe trên tuyến đường trường sơn thời chống Mỹ. Bài thơ làm nổi bật tinh thần dũng cảm bất chấp khó khăn, nguy hiểm, tư thế hiên ngang, niềm lạc quan và ý chí chiến đấu giải phóng miền Nam của ngưiơì chiến sĩ lái xe – một hình ảnh tiêu biểu của thế hệ trẻ thời chống Mỹ.

***c. “Ánh trăng”:*** nói về những suy ngẫm của người lính đi qua cuộc chiến tranh nay sống ở thành phố giữa thờibình. Bài thơ giợi lại những kỉ niệm gắn bó của người lính với đất nước, với đồng đội trong những năm tháng gian lao của thời chiến tranh để từ đó nhắc nhở về đạo lí nghĩa tình.

**IV. Bút pháp sáng tác ở các bài thơ.**

***1. “Đồng chí”***: Bút pháp hiện thực đưa những chi tiết hình ảnh thực của đời sống người lính vào thơ gần như trực tiếp. Hình ảnh “đầu súng trăng treo” rất đẹp và giàu ý nghĩa biểu tượng nhưng cũng rất thực mà tác giả bắt gặp trong những đêm phục kích giặc.

***2. “Đoàn thuyền đánh cá”:*** bút pháp tượng trưng, phóng đại với nhiều liên tưởng, tưởng tượng, so sánh mới mẻ, độc đáo.

***3. “Bài thơ về tiểu đội xe không kính”:*** bút pháp hiện thực, miêu tả cụ thể, chi tiết từ hình dáng chiếc xe không kính đến cảm giác và sinh hoạt của người lính lái xe.

***4. “Ánh trăng”:*** có nhiều hình ảnh và chi tiết thực, bình dị nhưng chủ yếu là bút pháp gợi tả, không đi vào chi tiết mà hướng tới ý nghĩakhái quát và biểu tượng của hình ảnh.

***5. “Mùa xuân nho nhỏ”:*** bút pháp hiện thực và lãng mạn, đậm đà chất thơ của xứ Huế.

**Bài tập cần làm:**

Em hãy củng cố lại kiến thức văn học hiện đại Việt Nam đã học bằng cách vẽ sơ đồ tư duy theo cách của em. (Vẽ bằng tay, trình bày trong vở bài học). Lưu ý: chỉ củng cố phần nội dung và nghệ thuật./.

*- Cô chúc các em học tập hiệu quả -*

**VĂN BẢN**

**NHỮNG NGÔI SAO XA XÔI (Lê Minh Khuê)**

Để bài học thêm hiệu quả, các em có thể tải đường link theo địa chỉ sau:

Web: <https://www.youtube.com/watch?v=cNkneVyj9vc>

**Sau đây là kiến thức bài học cần nhớ:**

**I. Tìm hiểu chung**

**1. Tác giả**

***-*** Lê Minh Khuê quê ở tỉnh Thanh Hóa.

- Gia nhập thanh niên xung phong và viết văn vào đầu những năm 70 của thế kỉ XX.

- Trong những năm chiến tranh, truyện của nữ văn sĩ Lê Minh Khuê viết về cuộc sống chiến đấu của tuổi trẻ ở tuyến đường Trường Sơn.

- Sau 1975, nhà văn viết về đời sống xã hội và con người trên tinh thần đổi mới.

**2. Tác phẩm**

- Xuất xứ: viết năm 1970, lúc cuộc kháng chiến chống Mĩ của dân tộc đang diễn ra ác liệt.

- Thể loại: truyện ngắn.

- Tóm tắt ngắn gọn nội dung trích đoạn trong SGK.

- Bố cục (đánh dấu các phần trong SGK).

**II. Tìm hiểu văn bản**

**1. Hình ảnh ba cô gái thanh niên xung phong**

***a. Nét chung:***

- Họ đều thuộc thế hệ những cô gái thanh niên xung phong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ mà tuổi đời còn rất trẻ. Việc họ lấy hang đá làm nhà, coi cao điểm đầy bom đạn là chiến trường hàng ngày đối mặt với cái chết trong gang tấc đã nói lên tất cả.

- Họ đều có những phẩm chất chung của những chiến sĩ thanh niên xung phong ở chiến trường: tinh thần trách nhiệm cao đối với nhiệm vụ, lòng dũng cảm không sợ hy sinh, tình đồng đội gắn bó. Có lệnh là lên đường, bất kể trong tình huống nào, nguy hiểm không tử nạn dù phải đối mặt với máy bay và bom đạn quân thù.

- Khi đồng đội gặp tai nạn thì khẩn trương cứu chữa và tận tình chăm sóc (câu chuyện Nho bị thương khi phá bom). Cuộc sống và chiến đấu ở chiến trường thật gian khổ, nguy hiểm và luôn căng thẳng nhưng họ vẫn bình tĩnh, chủ động, luôn lạc quan yêu đời, trong hang vẫn vang lên tiếng hát của ba cô gái.

- Cùng là ba cô gái trẻ với cuộc sống nội tâm phong phú đáng yêu: dễ cảm xúc, nhiều mơ ước, hay mơ mộng, dễ vui, dễ buồn. Họ thích làm đẹp cho cuộc sống của mình, ngay cả trong hoàn cảnh chiến trường ác liệt, Nho thích thêu thùa, chị Thao chăm chép bài hát, Định thích ngắm mình trong gương, ngồi bó gối mơ mộng và hát…

***b. Nét riêng***

- Nho là một cô gái trẻ, xinh xắn, Nho lại rất hồn nhiên – cái hồn nhiên trẻ thơ: “vừa tắm ở dưới suối lên, cứ quần áo ướt, Nho ngồi, dồi ăn kẹo”; khi bị thương nằm trong hang vẫn nhổm dậy, xoè tay xin mấy viên đá mưa.

- Phương Định cũng trẻ trung như Nho là một cô học sinh thành phố, nhạy cảm và hồn nhiên, thích mơ mộng và hay sống với những kỷ niệm của tuổi thiếu nữ vô tư về gia đình và về thành phố.

- Chị Thao, tổ trưởng, ít nhiều có từng trải hơn, mơ ước và dự tính về tương lai có vẻ thiết thực hơn, nhưng cũng không thiếu những khát khao và rung động của tuổi trẻ. Trong công việc, ai cũng gờm chị về tính cương quyết, táo bạo. Chị thích tỉa chân máy, thích chép bài hát, sợ máu và con vắt.

=> Những nét riêng đó đã làm cho các nhân vật sống hơn và cũng đáng yêu hơn.

**2**. **Nhân vật Phương Định**

+ Xuất thân: là người Hà Nội, rất thanh lịch.

+ Hình dáng: hai bím tóc dày, mềm, cổ cao, cặp mắt dài dài, màu nâu

⇒ Tự nhận mình là cô gái khá.

- Cô có một thời học sinh vô tư hồn nhiên bên mẹ và thành phố.

- Vào chiến trường đã ba năm, hàng ngày giáp mặt với hiểm nguy và cái chết nhưng vẫn không mất đi sự hồn nhiên nhạy cảm, tâm hồn trong sáng và nhiều mộng mơ:

+ Nhạy cảm, thích quan tâm về hình thức, biết mình được nhiều người để ý thấy tự hào nhưng không vồn vã mà kín đáo, người không hiểu nói cô kiêu kì.

+ Hồn nhiên hay mơ mộng và thích hát (Thích hát, thuộc rất nhiều bài hát, còn bịa ra lời để hát, thích ngồi bó gối mơ màng, say sưa tận hương cơn mưa đá khi vừa phá bom xong).

+ Yêu mến gắn bó với hay đồng đội trong tổ. Tình yêu thương đồng đội, chăm sóc cho Nho khi bị thương…

+ Quý trọng tất cả các chiến sĩ bộ đội nhất là các anh có ngôi sao trên mũ.

→ Người chiến sĩ thanh niên xung phong kiên cường, quả cảm.

- Tính cách được bộc lộ trong một lần máy bay địch đánh phá và cùng đồng đội phá bom:

+ Chấp hành sự phân công ở nhà, song cảm thấy không bằng lòng vì không được trực tiếp quan sát cuộc ném bom của địch

+ Cô rất gan dạ, bình tĩnh, dũng cảm trong từng thao tác phá bom.

+ Tinh thần trách nhiệm cao với công việc (Việc phá bom căng thẳng hồi hộp nhưng không phải sợ chết mà lo “bom có nổ không”).

- Sau cuộc chiến: là hình ảnh cô gái hồn nhiên, đầy nữ tính và có lòng yêu quê hương da diết.

**III. Tổng kết**

***1.******Nghệ thuật***

- Phương thức trần thuật: ngôi thứ nhất và cũng là nhân vật chính ⭢ thuận lợi miêu tả nội tâm nhân vật và hiện thực cuộc chiến đấu.

- Ngôn ngữ và giọng điệu:

+ Ngôn ngữ tự nhiên gần với khẩu ngữ.

+ Lời kể thường dùng câu ngắn, nhịp nhanh tạo không khí khẩn trương nơi chiến trường. Ở những đoạn hồi tưởng nhịp chậm lại gợi nhớ những kỉ niệm thời niên thiếu của các chị, tạo không khí thanh bình trước chiến tranh.

***2. Nội dung (ghi nhớ sgk / 122).***

**IV.** **Luyện tập**

Viết đoạn văn phát biểu cảm nghĩ về nhân vật Phương Định trong đoạn trích truyện trên./.

**VĂN BẢN**

**TỔNG KẾT PHẦN VĂN BẢN NHẬT DỤNG**

Để bài học thêm hiệu quả, các em có thể tải đường link theo địa chỉ sau:

Web: <https://www.youtube.com/watch?v=TucDkI0jQGQ>

**Sau đây là kiến thức bài học cần nhớ:**

**I. Khái niệm văn bản nhật dụng**

1. Khái niệm văn bản nhật dụng không phải là khái niệm thể loại, cũng không phải kiểu văn bản. Nó chỉ đề cập tới chức năng, đề tài và tính cập nhật của nội dung văn bản.

2. Giá trị văn bản không phải là yêu cầu cao nhất nhưng cũng là yêu cầu quan trọng.

**\* Ghi nhớ 2 sgk trang 96**

**II. Nội dung các văn bản nhật dụng đã học**.

Viết về những vấn đề xã hội có ý nghĩa lâu dài.

- Di tích lịch sử (*Cầu Long Biên – chứng nhân lịch sử).*

- Danh lam thắng cảnh (*Động Phong Nha).*

- Quan hệ giữa thiên nhiên và con người *(Bức thư của thủ lĩnh da đỏ).*

- Văn hoá *(Ca Huế trên sông Hương).*

- Giáo dục, vai trò người phụ nữ *(Cổng trường mở ra, Mẹ tôi, Cuộc chia tay của những con búp bê).*

- Môi trường *(Thông tin về Ngày trái đất năm 2000).*

- Tệ nạn ma tuý, thuốc lá *(Ôn dịch thuốc lá)*

- Dân số và tương lai loài người *(Bài toán dân số).*

- Quyền sống của con người *(Tuyên bố thế giới…).*

- Bảo vệ hoà bình, chống chiến tranh *(Đấu tranh cho một thế giới hòa bình)*

- Hội nhập với thế giới và giữ gìn bàn sắc văn hoá dân tộc *(Phong cách Hồ Chí Minh).*

**III**. **Hình thức của văn bản nhật** **dụng**

Trình bày dưới những hình thức văn bản đa dạng bằng các phương thức biểu đạt khác.

- Tự sự và miêu tả.

- Thuyết minh và miêu tả.

- Tự sự, miêu tả và biểu cảm.

- Nghị luận và biểu cảm.

- Thuyết minh, nghị luận và biểu cảm.

**\* Ghi nhớ 2 sgk trang 96**

 **IV.**  **Phương pháp học văn bản nhật dụng**

Năm yêu cầu:

- Lưu ý nội dung các chú thích của văn bản nhật dụng.

- Liên hệ các vấn đề trong văn bản nhật dụng và đời sống xã hội.

- Có ý kiến, quan điểm riêng trước các vấn đề đó.

- Vận dụng tổng hợp kiến thức các môn học khác để làm sáng tỏ các vấn đề được đặt ra trong văn bản nhật dụng.

- Căn cứ vào đặc điểm và phương thức biểu hiện để phân tích một văn bản nhật dụng.

**Bài tập**

Học thuộc lòng khái niệm văn bản nhật dụng./.